

Số: /2024/QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định chế độ báo cáo định kỳ
lĩnh vực giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Bình Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ Quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 44/2019/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Thông tư số 36/2020/TT-BGTVT ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 35/2020/TT-BGTVT ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện cơ giới đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 95/TTr-SGTVT ngày 20 tháng 9 năm 2024 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 394/BC-STP ngày 29 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chế độ báo cáo định kỳ lĩnh vực giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2024 và thay thế Quyết định số 61/2020/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chế độ báo cáo định kỳ lĩnh vực giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Bộ Giao thông vận tải;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, K19, KSTT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng

QUY ĐỊNH**Chế độ báo cáo định kỳ lĩnh vực giao thông vận tải
trên địa bàn tỉnh Bình Định**

(Kèm theo Quyết định số: /2024/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định chế độ báo cáo định kỳ lĩnh vực giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến thực hiện chế độ báo cáo định kỳ lĩnh vực giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện báo cáo định kỳ

- Cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời, đúng hình thức, nội dung yêu cầu của từng loại báo cáo.
- Đảm bảo tính thống nhất, rõ ràng, công khai, cung cấp và chia sẻ thông tin, dữ liệu báo cáo.
- Ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện báo cáo, đáp ứng yêu cầu của Hệ thống thông tin báo cáo theo quy định.

Điều 4. Đối tượng thực hiện báo cáo, nhận báo cáo

- Đối tượng thực hiện báo cáo, nhận báo cáo theo quy định tại Chương II Quy định này.
- Sở Giao thông vận tải là cơ quan tham mưu, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Giao thông vận tải.

Điều 5. Phương thức gửi, nhận báo cáo

- Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau:
 - Qua Hệ thống Văn phòng điện tử liên thông;
 - Gửi trực tiếp;
 - Qua dịch vụ bưu chính;

- d) Qua fax;
- e) Qua hệ thống thư điện tử công vụ;
- g) Các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

2. Tất cả báo cáo và biểu mẫu được gửi theo các phương thức tại khoản 1 Điều này phải đính kèm tệp tin (file word, excel) để cơ quan nhận báo cáo tổng hợp.

3. Trường hợp có hệ thống phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng, phương thức gửi và nhận báo cáo được thực hiện trên hệ thống phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng.

Điều 6. Công bố danh mục báo cáo định kỳ

1. Sở Giao thông vận tải rà soát, lập danh mục báo cáo định kỳ quy định tại văn bản quy phạm pháp luật do đơn vị chủ trì soạn thảo (gồm các nội dung: Tên báo cáo, đối tượng thực hiện báo cáo, cơ quan nhận báo cáo, thời hạn gửi báo cáo, kỳ báo cáo/tần suất thực hiện báo cáo, mẫu đề cương báo cáo và văn bản quy định chế độ báo cáo), trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày văn bản quy phạm pháp luật có quy định về chế độ báo cáo định kỳ có hiệu lực thi hành.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm đăng tải và duy trì danh mục báo cáo định kỳ trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải, đảm bảo thời gian đăng tải ít nhất 15 ngày làm việc kể từ ngày văn bản quy định chế độ báo cáo có hiệu lực thi hành.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ

Điều 7. Báo cáo tình hình quản lý, bảo trì hệ thống đường quốc lộ được giao ủy quyền quản lý

Các cơ quan, đơn vị là đối tượng thực hiện báo cáo thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 25 của Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì công trình đường bộ, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 4 Thông tư số 36/2020/TT-BGTVT ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đường bộ.

Điều 8. Báo cáo tình hình quản lý, bảo trì hệ thống đường tỉnh

1. Tên báo cáo: Báo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý, bảo trì công trình đường bộ.

2. Nội dung yêu cầu báo cáo: Báo cáo tình hình quản lý, bảo trì hệ thống đường tỉnh.

3. Đối tượng thực hiện báo cáo

a) Cơ quan, đơn vị được giao quản lý, bảo trì đường bộ;

b) Sở Giao thông vận tải.

4. Cơ quan nhận báo cáo

a) Cục Đường bộ Việt Nam;

b) Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Sở Giao thông vận tải.

5. Phương thức gửi, nhận báo cáo: Theo Điều 5 của Quy định này.

6. Thời hạn gửi báo cáo

a) Cơ quan, đơn vị được giao quản lý, bảo trì đường bộ báo cáo Sở Giao thông vận tải trước ngày 15 tháng 12 hàng năm;

b) Sở Giao thông vận tải tổng hợp, báo cáo Cục Đường bộ Việt Nam, Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 20 tháng 12 hàng năm.

7. Tần suất thực hiện báo cáo: Định kỳ hàng năm.

8. Thời gian chốt số liệu báo cáo: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

9. Nội dung và mẫu đề cương báo cáo: Theo Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

10. Quy trình thực hiện

a) Cơ quan, đơn vị được giao quản lý, bảo trì đường bộ báo cáo Sở Giao thông vận tải;

b) Sở Giao thông vận tải tổng hợp báo cáo Cục Đường bộ Việt Nam, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 9. Báo cáo tình hình quản lý, bảo trì hệ thống đường đô thị, đường huyện và các đường địa phương khác, đường chuyên dùng

1. Tên báo cáo: Báo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý, bảo trì công trình đường bộ.

2. Nội dung yêu cầu báo cáo: Báo cáo tình hình quản lý, bảo trì hệ thống đường đô thị, đường huyện và các đường địa phương khác, đường chuyên dùng.

3. Đối tượng thực hiện báo cáo

a) Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân

các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã); cơ quan, đơn vị được giao quản lý, bảo trì đường bộ;

b) Sở Giao thông vận tải.

4. Cơ quan nhận báo cáo

a) Cục Đường bộ Việt Nam;

b) Sở Giao thông vận tải;

c) Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Phương thức gửi, nhận báo cáo: Theo Điều 5 của Quy định này.

6. Thời hạn gửi báo cáo

a) Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, đơn vị được giao quản lý, bảo trì đường địa phương, đường chuyên dùng báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 10 tháng 12 hàng năm;

b) Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định; Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Sở Giao thông vận tải: trước ngày 15 tháng 12 hàng năm;

c) Sở Giao thông vận tải tổng hợp, báo cáo Cục Đường bộ Việt Nam, Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 20 tháng 12 hàng năm.

7. Tần suất thực hiện báo cáo: Định kỳ hàng năm.

8. Thời gian chốt số liệu báo cáo

a) Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, đơn vị được giao quản lý, bảo trì đường địa phương, đường chuyên dùng chốt số liệu từ ngày 10 tháng 12 năm trước đến ngày 09 tháng 12 của kỳ báo cáo;

b) Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định; Ủy ban nhân dân cấp huyện chốt số liệu từ ngày 15 tháng 12 năm trước đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

9. Nội dung và mẫu đề cương báo cáo: Theo Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

10. Quy trình thực hiện

a) Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, đơn vị được giao quản lý, bảo trì đường địa phương, đường chuyên dùng báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định; Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Sở Giao thông vận tải;

c) Sở Giao thông vận tải tổng hợp báo cáo Cục Đường bộ Việt Nam, Ủy ban nhân dân tỉnh.

11. Ngoài báo cáo định kỳ theo quy định tại Điều này, cơ quan, đơn vị quy định tại điểm a khoản 3 Điều này có trách nhiệm báo cáo đột xuất khi có sự

kiện bất khả kháng ảnh hưởng đến công trình đường bộ hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện các báo cáo khác theo quy định của pháp luật về kế hoạch đầu tư.

Điều 10. Báo cáo tình hình cấp Giấy phép lưu hành xe

Sở Giao thông vận tải thực hiện báo cáo tình hình cấp Giấy phép lưu hành xe theo quy định tại Điều 23a Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ được sửa đổi, bổ sung tại Điều 5 Thông tư số 36/2020/TT-BGTVT ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Điều 11. Báo cáo tình hình hoạt động vận tải

1. Báo cáo tình hình hoạt động vận tải của đơn vị

Các đơn vị kinh doanh vận tải, bến xe khách thực hiện báo cáo tình hình hoạt động vận tải của đơn vị cho Sở Giao thông vận tải theo quy định tại khoản 1 Điều 64 của Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ được sửa đổi, bổ sung tại Điều 8 Thông tư số 36/2020/TT-BGTVT ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

2. Báo cáo tình hình hoạt động vận tải đường bộ của địa phương

Sở Giao thông vận tải thực hiện báo cáo tình hình hoạt động vận tải đường bộ của địa phương cho Cục Đường bộ Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 64 của Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ được sửa đổi, bổ sung tại Điều 8 Thông tư số 36/2020/TT-BGTVT ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Điều 12. Báo cáo về công tác đào tạo, sát hạch cấp Giấy phép lái xe

1. Định kỳ hàng tháng, Sở Giao thông vận tải báo cáo kết quả các kỳ sát hạch về Cục Đường bộ Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 45 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 2 Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

2. Sở Giao thông vận tải báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm và báo cáo định kỳ hàng năm về Cục Đường bộ Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 45 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 2 Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Mục 2

LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Điều 13. Báo cáo kết quả đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện và công tác cấp, cấp lại, chuyển đổi chứng chỉ thuyền viên

1. Cơ sở đào tạo có liên quan đến việc thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (sau đây gọi là cơ sở đào tạo).

a) Định kỳ hàng tháng báo cáo Sở Giao thông vận tải kết quả đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và công tác cấp, cấp lại, chuyển đổi chứng chỉ thuyền viên và cập nhật dữ liệu về thông tin của thuyền viên, người lái phương tiện theo phạm vi trách nhiệm được giao quản lý vào cơ sở dữ liệu theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Thông tư số 40/2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 9 Thông tư số 35/2020/TT-BGTVT ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều các thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đường thủy nội địa;

b) Định kỳ hàng tháng báo cáo Cục Đường thủy nội địa Việt Nam kết quả đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện và công tác cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn và cập nhật dữ liệu về thông tin của thuyền viên, người lái phương tiện theo phạm vi trách nhiệm được giao quản lý vào cơ sở dữ liệu theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Thông tư số 40/2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 9 Thông tư số 35/2020/TT-BGTVT ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

2. Sở Giao thông vận tải

Định kỳ hàng tháng báo cáo Cục Đường thủy nội địa Việt Nam kết quả đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện và công tác cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn và cập nhật dữ liệu về thông tin của thuyền viên, người lái phương tiện theo phạm vi trách nhiệm được giao quản lý vào cơ sở dữ liệu theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Thông tư số 40/2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 9 Thông tư số 35/2020/TT-BGTVT ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Mục 3

LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM

Điều 14. Báo cáo kết quả thực hiện công tác kiểm định

1. Định kỳ hàng tháng đơn vị đăng kiểm báo cáo Cục Đăng kiểm Việt Nam đối với báo cáo kết quả thực hiện công tác kiểm định, báo cáo sử dụng ấn chỉ kiểm định và báo cáo kiểm kê ấn chỉ kiểm định; Sở Giao thông vận tải đối với báo cáo kết quả thực hiện công tác kiểm định theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện cơ giới đường bộ.

2. Hàng năm đơn vị đăng kiểm báo cáo Cục Đăng kiểm Việt Nam, Sở Giao thông vận tải danh sách ô tô hết niên hạn, báo cáo danh sách ô tô sắp hết niên hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 11 của Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

3. Ngoài báo cáo định kỳ theo quy định tại Điều này, đơn vị đăng kiểm có trách nhiệm báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

1. Tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực giao thông vận tải theo Quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm

a) Triển khai, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy định này;

b) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh mục báo cáo định kỳ về lĩnh vực giao thông vận tải;

c) Thường xuyên rà soát chế độ báo cáo định kỳ để tham mưu, đề xuất cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung theo mục tiêu quản lý, các nguyên tắc và yêu cầu của Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ và Quy định này.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực giao thông vận tải do các cơ quan soạn thảo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành có nội dung quy định báo cáo định kỳ phải thực hiện theo các nguyên tắc, yêu cầu của Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ và của Quy định này.

2. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ đó.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.